

NGUYỄN VĂN TÔNG THƯ IN UNITATE FIDEI NHÂN DỊP KỶ NIỆM 1700 NĂM THÀNH LẬP CÔNG ĐỒNG NI-XÊ-A CỦA ĐỨC LÊO XIV

1. Trong sự hiệp nhất đức tin, được công bố từ thuở ban đầu của Giáo Hội, các Kitô hữu được mời gọi bước đi trong sự hiệp nhất, gìn giữ và truyền lại ân huệ họ đã lãnh nhận với tình yêu và niềm vui. Điều này được diễn tả trong Kinh Tin Kính: “Tôi tin kính một Chúa Giêsu Kitô, Con Một Thiên Chúa... Người đã từ trời xuống thế để cứu chuộc chúng ta”, được Công đồng Ni-xê-a, cuộc họp đại kết đầu tiên trong lịch sử Kitô giáo, lập nên cách đây 1,700 năm.

Trong khi chuẩn bị cho chuyến Tông du đến Thổ Nhĩ Kỳ, tôi muốn gửi Thư này đến toàn thể Giáo Hội để khơi dậy lòng nhiệt thành trong việc tuyên xưng đức tin. Trong nhiều thế kỷ, lời tuyên xưng đức tin bền bỉ này đã là di sản chung của các Kitô hữu, và nó xứng đáng được tuyên xưng và hiểu theo những cách thức mới mẻ và thiết thực hơn bao giờ hết. Nhằm mục đích này, một văn kiện quan trọng của Ủy ban Thần học Quốc tế đã được phê chuẩn: *Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ. Kỷ niệm 1,700 năm Công đồng Chung Ni-xê-a*. Tôi đề cập đến văn kiện này vì nó cung cấp những hiểu biết quý giá để nghiên cứu tầm quan trọng và ý nghĩa của Công đồng Ni-xê-a, không chỉ trong chiều kích thần học và giáo hội, mà còn trong các khía cạnh văn hóa và xã hội.

2. “Khởi đầu Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa”: bằng những lời này, Thánh Máccô bắt đầu Tin mừng của ngài, tóm tắt toàn bộ sứ điệp bằng lời khẳng định về tư cách con Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô. Tương tự như vậy, Thánh Tông đồ Phaolô biết rằng ngài được kêu gọi để công bố Tin Mừng của Thiên Chúa về Con của Người, Đấng đã chết và sống lại vì chúng ta (x. Rm 1:9). Thật vậy, Chúa Giêsu là lời “xin vâng” dứt khoát của Thiên Chúa đối với những lời hứa của các ngôn sứ (x. 2 Cr 1:19-20). Trong Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời, Đấng là Thiên Chúa trước khi có thời gian, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành – như lời tựa của Tin mừng thánh Gioan đã nói – “đã trở nên xác phàm và ở giữa chúng ta” (Ga 1:14). Trong Người, Thiên Chúa đã trở nên người lân cận của chúng ta, đến mức bất cứ điều gì chúng ta làm cho bất cứ anh chị em nào của mình, là chúng ta làm cho chính Người (x. Mt 25:40).

Trong Năm Thánh này, được dành riêng cho chủ đề Chúa Kitô, niềm hy vọng của chúng ta, thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên của Chúa quan phòng khi chúng ta cũng kỷ niệm 1,700 năm Công đồng Chung đầu tiên Ni-xê-a, công đồng đã công bố lời tuyên xưng đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa vào năm 325. Đây là cốt lõi của đức tin Kitô giáo. Ngay cả ngày nay, trong mỗi buổi cử hành Thánh Thể Chúa Nhật, chúng ta đều đọc Kinh Tin Kính Nixêa-Constantinôp, lời tuyên xưng đức tin hiệp nhất tất cả các Kitô hữu. Trong thời đại khó khăn mà chúng ta đang sống, giữa biết bao lo âu và sợ hãi, hiểm họa chiến tranh và bạo lực,

thiên tai, bất công và mất cân bằng nghiêm trọng, cùng với nạn đói và đau khổ mà hàng triệu anh chị em chúng ta phải gánh chịu, Kinh Tin Kính này mang lại cho chúng ta hy vọng.

3. Thời kỳ Công đồng Ni-xê-a cũng không kém phần hỗn loạn. Khi công đồng bắt đầu vào năm 325, những vết thương do cuộc bách hại Kitô giáo gây ra vẫn còn mới. Sắc lệnh Milan (313), do hoàng đế Constantinô và Liciniô ban hành, dường như báo hiệu bình minh của một kỷ nguyên hòa bình mới. Tuy nhiên, sau những mối đe dọa từ bên ngoài, những tranh chấp và xung đột đã sớm nảy sinh trong Giáo hội.

Ariô, một linh mục đến từ Alexandria, Ai Cập, đã dạy rằng Chúa Giê-su không thực sự là Con Thiên Chúa. Mặc dù không chỉ là một tạo vật đơn thuần, Người được cho là một đấng trung gian giữa Thiên Chúa vô hình và nhân loại. Hơn nữa, đã có lúc Chúa Con “không hiện hữu”. Quan điểm này phù hợp với tư duy thịnh hành thời bấy giờ và do đó có vẻ hợp lý.

Tuy nhiên, Thiên Chúa không bỏ rơi Giáo hội của Người. Người luôn khơi dậy những người nam nữ can đảm làm chứng cho đức tin, cũng như những mục tử dẫn dắt dân Người và chỉ cho họ con đường Tin mừng. Giám mục A-lec-san-đơ thành Alexandria nhận ra rằng giáo huấn của Ariô hoàn toàn không phù hợp với Kinh Thánh. Vì Ariô không có tinh thần hòa giải, A-lec-san-đơ đã triệu tập các giám mục Ai Cập và Libya đến một Thượng Hội đồng, lên án giáo huấn của Ariô. Sau đó, ngài gửi một lá thư cho các giám mục khác ở phương Đông, cung cấp một báo cáo chi tiết. Ở phương Tây, chính Giám mục Hosiô thành Cordoba, Tây Ban Nha, đã hành động. Ngài đã chứng tỏ mình là một người tuyên xưng đức tin nhiệt thành trong thời kỳ đàn áp của Hoàng đế Maximianô và được Giám mục Rôma, Giáo hoàng Syl-ves-to, tin tưởng.

Tuy nhiên, những người theo Ariô cũng đã tập hợp lại với nhau. Điều này dẫn đến một trong những cuộc khủng hoảng lớn nhất trong thiên niên kỷ đầu tiên của Giáo hội. Nguyên nhân của cuộc tranh luận không phải là một chi tiết nhỏ. Nó liên quan đến bản chất của đức tin Kitô giáo, cụ thể là câu trả lời cho câu hỏi quyết định mà Chúa Giê-su đã hỏi các môn đệ của mình tại Xê-da-rê-a Phi-líp-pi: "Các con bảo Thầy là ai?" (Mt 16:15).

4. Khi cuộc tranh luận tiếp diễn, Hoàng đế Constantinô nhận ra rằng sự hiệp nhất của Giáo hội, và thực ra là của cả Đế chế, đang bị đe dọa. Vì vậy, ông triệu tập tất cả các giám mục đến một công đồng chung, hay phổ quát, tại Ni-xê-a để khôi phục sự hiệp nhất. Thượng Hội đồng, được gọi là "Thượng Hội đồng 318 Giáo phụ", do hoàng đế chủ trì, và Số lượng giám mục được quy tụ lại là chưa từng có. Một số vị vẫn còn mang dấu vết của sự tra tấn mà họ đã phải chịu đựng trong thời kỳ bách hại. Phần lớn trong số họ đến từ phương Đông, trong khi dường như chỉ có năm vị là người phương Tây. Đức Giáo hoàng Syl-ves-to đã giao phó

nhiệm vụ cho một nhân vật có uy tín về thần học là Giám mục Hosiô thành Cordoba và cử hai linh mục La Mã đến.

5. Các Nghị phụ Công đồng đã làm chứng cho lòng trung thành của họ với Kinh Thánh và Truyền thống Tông đồ, như đã tuyên xưng trong lễ rửa tội theo lệnh truyền của Chúa Giêsu: "Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần" (Mt 28:19). Ở phương Tây, nhiều công thức khác nhau đã tồn tại, bao gồm cả công thức được gọi là Kinh Tin Kính của các Tông đồ. [1] Ở phương Đông cũng vậy, có nhiều lời tuyên xưng khi rửa tội có cấu trúc tương tự. Ngôn ngữ được sử dụng không uyên bác hay phức tạp, mà đúng hơn - như sau này đã được khẳng định - đơn giản và dễ hiểu đối với những người đánh cá ở Biển Galilê.

Theo quan điểm này, Kinh Tin Kính Ni-xê-a bắt đầu bằng lời tuyên xưng đức tin sau: "Tôi tin kính một Thiên Chúa, là Cha toàn năng, Đấng tạo thành... muôn vật hữu hình và vô hình." [2] Bằng cách này, các Nghị phụ Công đồng đã bày tỏ đức tin của mình vào Thiên Chúa duy nhất. Quan điểm này không bị tranh cãi trong suốt Công đồng. Tuy nhiên, một điều khoản thứ hai đã gây tranh cãi. Điều khoản này cũng dựa trên ngôn ngữ Kinh Thánh và tuyên xưng đức tin vào một Chúa duy nhất, Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa. Cuộc tranh luận nảy sinh từ nhu cầu giải quyết câu hỏi do Ariô đặt ra về việc nên hiểu "Con Thiên Chúa" như thế nào và làm thế nào để dung hòa nó với thuyết độc thần Kinh Thánh. Do đó, Công đồng đặt mục tiêu xác định ý nghĩa đúng đắn của đức tin vào Chúa Giêsu là "Con Thiên Chúa".

Các Nghị phụ tuyên xưng rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa vì Người thuộc bản thể (*ousia*) của Chúa Cha... "được sinh ra, không phải được tạo thành, đồng bản thể (*homoousios*) với Chúa Cha." Định nghĩa này là một sự bác bỏ triệt để luận đề của Ariô. [3] Để diễn tả chân lý đức tin, Công đồng đã sử dụng hai từ - "bản thể" (*ousia*) và "đồng bản thể" (*homoousios*) - không có trong Kinh Thánh. Ý định của Công đồng khi làm như vậy không phải là thay thế các tuyên bố Kinh Thánh bằng triết học Hy Lạp. Ngược lại, Công đồng sử dụng những thuật ngữ này chính xác để khẳng định đức tin Kinh Thánh một cách rõ ràng và để phân biệt nó với sai lầm của Ariô, vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc của phong trào theo văn hóa Hy Lạp. Vì lý do này, lời buộc tội theo văn hóa Hy Lạp nên nhắm vào giáo lý sai lầm của Ariô và những người theo ông, chứ không phải các Giáo phụ của Công đồng Ni-xê-a.

Các Giáo phụ của Công đồng Ni-xê-a kiên quyết trong quyết tâm trung thành với thuyết độc thần Kinh Thánh và tính xác thực của sự Nhập thể. Các ngài muốn tái khẳng định rằng Thiên Chúa chân thật duy nhất không phải là Đấng quá xa vời đối với chúng ta, nhưng trái lại, đã đến gần và đến gặp gỡ chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô.

6. Để truyền đạt sứ điệp của mình bằng ngôn ngữ giản dị của Kinh Thánh và phụng vụ quen thuộc với toàn thể Dân Chúa, Công đồng đã kết hợp một số cách diễn đạt từ lời tuyên xưng khi chịu phép Rửa tội: “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh sáng bởi Ánh sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật”. Công đồng đã chấp nhận ẩn dụ ánh sáng trong Kinh Thánh: “Thiên Chúa là ánh sáng” (1 Ga 1:3; x. Ga 1:4-5). Cũng như ánh sáng tỏa chiếu và truyền đạt chính mình mà không hề suy yếu, Chúa Con cũng là sự phản chiếu (*apaugasma*) vinh quang của Thiên Chúa và là dấu ấn (đặc tính) của bản thể (*hypostasis*) Người (x. Hr 1:3; 2 Cr 4:4). Do đó, Chúa Con nhập thể, Chúa Giêsu, là ánh sáng của thế gian và là ánh sáng của sự sống (x. Ga 8:12). Nhờ phép Rửa tội, con mắt tâm hồn chúng ta được soi sáng (x. Ep 1:18), để chúng ta cũng có thể là ánh sáng giữa thế gian (x. Mt 5:14). Hơn nữa, Kinh Tin Kính khẳng định rằng Chúa Con là “Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật”. Ở nhiều chỗ, Kinh Thánh phân biệt các ngẫu tượng vô tri với Thiên Chúa thật và hằng sống. Thiên Chúa thật là Thiên Chúa phán dạy và hành động trong lịch sử cứu độ: Thiên Chúa của Áp-ra-ham, I-sa-ác và Gia-cóp; Thiên Chúa đã tỏ mình ra với Mô-sê trong bụi gai cháy (x. Xh 3:14); Thiên Chúa nhìn thấy cảnh khốn cùng của dân, lắng nghe tiếng kêu của họ, dẫn dắt và đồng hành với họ qua sa mạc trong cột lửa (x. Xh 13:21); Thiên Chúa nói với họ bằng tiếng sấm (x. Đnl 5:26) và thương xót họ (x. Hs 11:8-9). Do đó, các Kitô hữu được kêu gọi từ bỏ các ngẫu tượng vô tri để hướng về Thiên Chúa hằng sống và chân thật (x. Cv 12:25; 1 Tx 1:9). Vì mục đích này, Simong Phêrô đã tuyên xưng tại Xê-da-rê-a Phi-líp-pi: “Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16:16). 7. Kinh Tin Kính Ni-xê-a không đặt ra một lý thuyết triết học. Nó tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa, Đấng đã cứu chuộc chúng ta qua Chúa Giêsu Kitô. Nó nói về Thiên Chúa hằng sống, Đấng muốn chúng ta được sống và sống dồi dào (x. Ga 10:10). Vì lý do này, Kinh Tin Kính tiếp tục với lời tuyên xưng trong bí tích Rửa Tội: Con Thiên Chúa, Đấng “vì loài người chúng ta và để cứu độ chúng ta... đã từ trời xuống thế,... đã làm người... chịu chết... và sống lại ngày thứ ba... đã lên trời... và sẽ lại đến... để phán xét” (Ga 10:10). “Hãy cho kẻ sống và kẻ chết được sống lại.” Như vậy, rõ ràng là những tuyên bố của Công đồng về đức tin vào Chúa Kitô bắt nguồn từ lịch sử cứu độ giữa Thiên Chúa và các thụ tạo của Người.

Thánh A-na-tha-xi-ô, người đã tham dự Công đồng với tư cách là phó tế của Giám mục A-lec-xan-đơ và sau đó kế vị ngài làm Giám mục Alexandria ở Ai Cập, đã nhiều lần nhấn mạnh một cách hiệu quả chiều kích cứu độ học của Kinh Tin Kính Ni-xê-a. Ngài viết rằng Chúa Con, Đấng từ trời xuống, “đã làm cho chúng ta trở thành con cái của Chúa Cha và đã thần thánh hóa nhân loại bằng cách trở thành người phàm. Do đó, Người không phải là người phàm, rồi trở thành Thiên Chúa; nhưng Người là Thiên Chúa, rồi trở thành người phàm, và để thần thánh hóa chúng ta.” [4] Điều này chỉ có thể xảy ra nếu Chúa Con thực sự là Thiên Chúa: thực tế, không một hữu thể phàm trần nào có thể chiến thắng sự chết và cứu chúng ta; chỉ có Thiên Chúa mới có thể làm được điều đó. Người đã giải thoát chúng ta qua Chúa Con làm người, để chúng ta được tự do (x. Gl 5:1).

Điều thích đáng là nhấn mạnh động từ *descendit* trong Kinh Tin Kính Ni-xê-a: “Người đã xuống thế.” Thánh Phaolô mô tả chuyển động này bằng những từ ngữ mạnh mẽ: “[Đức Kitô] đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân” (Pl 2,7). Lời tựa của Tin mừng Thánh Gioan cũng nói rằng “Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta” (Ga 1,14). Thư gửi tín hữu Do Thái cũng dạy rằng “Chúng ta không có một vị thượng tế không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của chúng ta, nhưng chúng ta có một vị đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như chúng ta, nhưng không phạm tội” (Hr 4,15). Vào đêm trước khi chịu chết, Người đã hạ mình xuống như một nô lệ để rửa chân cho các môn đệ (x. Ga 13,1-17). Chỉ khi có thể đặt ngón tay vào vết thương ở cạnh sườn Chúa phục sinh, Tông đồ Tôma mới tuyên xưng: “Lạy Chúa con lạy Thiên Chúa của con!” (Ga 20:28).

Chính nhờ sự Nhập Thể của Người mà giờ đây chúng ta gặp gỡ Chúa nơi những anh chị em đang túng thiếu: “Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25:40). Kinh Tin Kính Ni-xê-a không mô tả một Thiên Chúa xa cách, không thể tiếp cận và bất động, Đấng ngự trong chính mình, nhưng là một Thiên Chúa gần gũi và đồng hành với chúng ta trên hành trình trần gian, ngay cả trong những nơi tăm tối nhất trên trái đất. Sự bao la của Người được tỏ lộ khi Người trở nên nhỏ bé, gạt bỏ sự uy nghi vô biên của mình để trở thành người lân cận của chúng ta nơi những người bé nhỏ và nơi người nghèo. Điều này làm thay đổi hoàn toàn những quan niệm ngoại giáo và triết học về Thiên Chúa.

Một câu khác trong Kinh Tin Kính Ni-xê-a cũng đặc biệt mang tính soi sáng cho chúng ta ngày nay. Câu Kinh Thánh “đã trở nên xác phàm” được làm sáng tỏ bằng cách thêm từ “con người” sau từ “nhập thể”. Do đó, Công đồng Ni-xê-a đã tách mình khỏi giáo lý sai lầm cho rằng Ngôi Lời chỉ mang thân xác làm lớp vỏ bên ngoài chứ không phải linh hồn con người, vốn được phú bẩm trí tuệ và ý chí tự do. Thay vào đó, Công đồng tìm cách khẳng định điều mà Công đồng Can-xê-đoan (451) sau này đã tuyên bố rõ ràng: trong Chúa Kitô, Thiên Chúa đã mặc lấy và cứu chuộc toàn thể con người, cả thể xác lẫn linh hồn. Thánh A-na-tha-xi-ô giải thích rằng Con Thiên Chúa đã làm người để con người được thần thánh hóa. [5] Sự hiểu biết sâu sắc này về mặc khải thần linh đã được Thánh Irênê thành Lyon và Origen chuẩn bị, và sau đó được phát triển thêm với sự phong phú trong linh đạo Đông phương.

Thần hóa không hề bao hàm việc tự thần hóa con người. Ngược lại, thần hóa bảo vệ chúng ta khỏi cám dỗ nguyên thủy muốn trở nên giống Thiên Chúa (x. St 3:5). Chúa Kitô là gì theo bản tính, chúng ta trở thành như vậy nhờ ân sủng. Qua công trình cứu chuộc, Thiên Chúa không chỉ khôi phục phẩm giá con người của chúng ta theo hình ảnh của Người, mà Đấng đã tạo dựng chúng ta một cách kỳ diệu, giờ đây còn cho chúng ta được thông phần vào bản tính thần linh của Người một cách còn kỳ diệu hơn nữa (x. 2 Pr 1:4).

Vậy, thần hóa chính là nhân tính hóa đích thực (trở nên trọn vẹn con người). Đây là lý do tại sao sự hiện hữu của con người hướng ra ngoài chính nó, tìm kiếm vượt ra ngoài chính nó, khao khát vượt ra ngoài chính nó, và không ngừng nghỉ cho đến khi được nghỉ ngơi trong Thiên Chúa. [6] “*Deus enim solus satiat*, chỉ có Thiên Chúa mới thỏa mãn con người!” [7] Chỉ có Thiên Chúa, trong sự vô hạn của Người, mới có thể thỏa mãn khát vọng vô hạn của trái tim con người, và vì lý do này, Con Thiên Chúa đã chọn trở thành anh em và Đấng cứu chuộc của chúng ta.

8. Như chúng ta đã nói, Công đồng Ni-xê-a đã bác bỏ rõ ràng những lời dạy của Ariô. Tuy nhiên, Ariô và những người theo ông không bỏ cuộc. Bản thân Hoàng đế Constantinô và những người kế vị ông ngày càng đứng về phía những người theo Ariô. Thuật ngữ *homooúsios* đã trở thành một vấn đề gây tranh cãi giữa phe Ni-xê-a và phe chống Ni-xê-a, do đó gây ra những xung đột nghiêm trọng khác. Thánh Ba-si-lê-ô thành Xê-da-rê-a đã mô tả một cách hùng hồn sự hỗn loạn sau đó bằng cách ví nó như một trận hải chiến ban đêm trong một cơn bão dữ dội. [8] Mặt khác, Thánh Hi-la-ri-ô đã làm chứng cho tính chính thống của giáo dân trái ngược với thuyết Ariô của nhiều giám mục, thừa nhận rằng “tai của người dân thánh thiện hơn trái tim của các linh mục.” [9]

Thánh A-na-tha-xi-ô đã trở thành nền tảng vững chắc của Kinh Tin Kính Ni-xê-a nhờ đức tin kiên định và vững chắc của ngài. Mặc dù ngài đã bị phế truất và trục xuất khỏi Tòa Giám mục Alexandria năm lần, mỗi lần ngài đều trở về với tư cách giám mục. Ngay cả khi bị lưu đày, ngài vẫn tiếp tục hướng dẫn Dân Chúa qua các tác phẩm và thư từ của mình. Giống như Mô-sê, Thánh A-na-tha-xi-ô không được bước vào miền đất hứa của hòa bình giáo hội. Ân sủng này được dành riêng cho một thế hệ mới, được biết đến ở một số nơi là “giới trẻ Ni-xê-a”. Ở phương Đông, thế hệ này bao gồm ba Giáo phụ Cappadocia: Thánh Ba-si-lê-ô thành Xê-da-rê-a (khoảng 330-379), người được phong tước hiệu “Vĩ đại”; anh trai của ngài là Thánh Gregoriô thành Nyssa (335-394); và người bạn thân nhất của Ba-si-lê-ô, Thánh Gregoriô thành Nazianzen (329/30-390). Ở phương Tây, những nhân vật quan trọng bao gồm Thánh Hi-la-ri-ô thành Poitiers (khoảng 315-367), học trò của ngài là Thánh Mar-tin thành Tours (khoảng 316-397) và trên hết là Thánh Ambrosiô thành Milan (333-397) và Thánh Augustinô thành Hippo (354-430). Công lao đặc biệt của ba người Cappadocia là hoàn thiện việc xây dựng Kinh Tin Kính Ni-xê-a bằng cách chứng minh rằng, trong Thiên Chúa, Sự hiệp nhất và Ba Ngôi không hề mâu thuẫn với nhau. Sự phát triển này đã dẫn đến việc hình thành tín điều liên quan đến Chúa Thánh Thần tại Công đồng Constantinô lần thứ nhất năm 381. Do đó, Kinh Tin Kính lấy tên là “Kinh Tin Kính Nixêa-Constantinô”, và hiện nay tuyên bố: “Tôi tin kính Chúa Thánh Thần, là Thiên Chúa, là Đấng ban sự sống, Người bởi Chúa Cha mà ra, Người cùng với Chúa Cha và Chúa Con được phụng thờ và tôn vinh, Người đã phán dạy qua các tiên tri.” [10]

Tại Công đồng Can-xê-đoan năm 451, Công đồng Constantinôp được công nhận là Công đồng đại kết, và Kinh Tin Kính Nixêa- Constantinôp được tuyên bố là có tính ràng buộc phổ quát. [11] Do đó, nó tạo nên sợi dây liên kết thống nhất giữa Đông và Tây. Vào thế kỷ 16, nó cũng được các cộng đồng giáo hội phát sinh từ cuộc Cải cách duy trì. Do đó, Kinh Tin Kính Nixêa- Constantinôp là lời tuyên xưng chung của tất cả các truyền thống Kitô giáo.

9. Con đường bắt đầu với Kinh Thánh và dẫn đến việc tuyên xưng đức tin tại Công đồng Nixê-a, sau đó được chấp nhận tại Constantinôp và Can-xê-đoan, và một lần nữa trong thế kỷ 16 và 21, là một con đường dài và nhất quán. Tất cả chúng ta, với tư cách là môn đệ của Chúa Giêsu Kitô, đều được rửa tội “nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”. Chúng ta làm dấu thánh giá trên mình và được chúc phúc. Chúng ta kết thúc mỗi lời cầu nguyện của các thánh vịnh trong Phụng vụ Giờ Kinh với câu “Vinh danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”. Vì vậy, cả phụng vụ và đời sống Kitô hữu đều được neo chặt vào Kinh Tin Kính Nixêa- Constantinôp: những gì chúng ta tuyên xưng bằng miệng phải xuất phát từ trái tim để chúng ta có thể làm chứng bằng cuộc sống của mình. Do đó, chúng ta phải tự hỏi: Còn việc chúng ta đón nhận Kinh Tin Kính hôm nay thì sao? Chúng ta có cảm thấy rằng nó cũng ảnh hưởng đến hoàn cảnh hiện tại của chúng ta không? Chúng ta có hiểu và sống những gì chúng ta đọc mỗi Chúa Nhật không? Những lời này có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của chúng ta?

10. Kinh Tin Kính Nixê-a mở đầu bằng lời tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa, Đấng Toàn Năng, Đấng tạo thành trời đất. Tuy nhiên, đối với nhiều người ngày nay, Thiên Chúa và vấn đề Thiên Chúa hầu như không có ý nghĩa gì trong cuộc sống của họ. Công đồng Vatican II đã chỉ ra rằng các Kitô hữu ít nhất cũng phải chịu một phần trách nhiệm cho tình trạng này, bởi vì họ không làm chứng cho đức tin chân chính; họ che giấu dung mạo đích thực của Thiên Chúa bằng lối sống và hành động khác xa với Tin mừng. [12] Chiến tranh đã xảy ra, con người đã bị giết hại, bị bách hại và bị phân biệt đối xử nhân danh Thiên Chúa. Thay vì tuyên xưng một Thiên Chúa nhân từ, người ta lại trình bày một Thiên Chúa báo thù, gieo rắc nỗi kinh hoàng và trừng phạt.

Theo nghĩa này, Kinh Tin Kính Nixê-a mời gọi chúng ta xét mình. Thiên Chúa có ý nghĩa gì đối với tôi và làm thế nào tôi có thể làm chứng cho đức tin của mình vào Người? Thiên Chúa duy nhất có thực sự là Chúa của đời tôi, hay tôi có những ngẫu tượng mà tôi đặt trước Thiên Chúa và các điều răn của Người? Đối với tôi, Thiên Chúa có phải là Thiên Chúa hằng sống, gần gũi tôi trong mọi hoàn cảnh, là Cha mà tôi hướng về với lòng tin tưởng con thảo? Liệu Người có phải là Đấng Tạo Hóa mà tôi mang ơn về mọi sự tôi là và tôi có, dấu ấn của Người mà tôi có thể tìm thấy nơi mọi loài thụ tạo? Tôi có sẵn lòng chia sẻ của cải trên trái đất, vốn thuộc về mọi người, một cách công bằng và bình đẳng không? Tôi đối xử với tạo vật, công trình của bàn tay Người như thế nào? Tôi khai thác và hủy hoại nó, hay tôi sử dụng nó với lòng tôn kính và biết ơn, chăm sóc và vun trồng nó như ngôi nhà chung của nhân loại? [13]

11. Lời tuyên xưng đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, Chúa và Thiên Chúa của chúng ta là trọng tâm của Kinh Tin Kính Nixêa-Constantinôp. Đây là cốt lõi của đời sống Kitô hữu chúng ta. Vì lý do này, chúng ta cam kết theo Chúa Giêsu như chủ, bạn đồng hành, anh em và bạn hữu của mình. Nhưng Kinh Tin Kính Ni-xê-a đòi hỏi nhiều hơn thế: nó nhắc nhở chúng ta đừng quên rằng Chúa Giêsu Kitô là Chúa (*Kyrios*), Con Thiên Chúa hằng sống, Đấng “từ trời xuống thế để cứu chuộc chúng ta” và chết “vì chúng ta” trên thập giá, mở đường cho chúng ta đến với sự sống mới qua sự phục sinh và thăng thiên của Người.

Dĩ nhiên, theo Chúa Giêsu Kitô không phải là một con đường rộng rãi và thoải mái. Tuy nhiên, con đường thường đầy thử thách, thậm chí đau khổ này luôn dẫn đến sự sống và ơn cứu độ (x. *Mt* 7,13-14). Sách Công vụ Tông đồ thuật lại con đường mới (x. *Cv* 19,9.23; 22,4.14-15.22) là Chúa Giêsu Kitô (x. *Ga* 14,6). Việc theo Chúa tất yếu bao hàm việc đi theo con đường thập giá, qua sự ăn năn, dẫn chúng ta đến sự thánh hóa và thần hóa. [14]

Nếu Thiên Chúa yêu thương chúng ta bằng tất cả bản thể của Người, thì chúng ta cũng phải yêu thương nhau. Chúng ta không thể yêu Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta không thấy, nếu không yêu thương anh chị em mình, những người mà chúng ta thấy (x. *I Ga* 4:20). Yêu Thiên Chúa mà không yêu thương tha nhân là giả hình; yêu thương tha nhân một cách triệt để, đặc biệt là yêu thương kẻ thù, mà không yêu mến Thiên Chúa, đòi hỏi một “chủ nghĩa anh hùng” vốn sẽ áp đảo và đè bẹp chúng ta. Khi theo Chúa Giêsu, việc lên trời với Thiên Chúa phải trải qua việc hạ mình và tận tụy với anh chị em mình, đặc biệt là những người bé mọn nhất, nghèo khổ nhất, bị bỏ rơi và bị gạt ra ngoài lề xã hội. Những gì chúng ta đã làm cho những người bé mọn nhất này, là chúng ta đã làm cho Chúa Kitô (x. *Mt* 25:31-46). Trước những thảm họa, chiến tranh và đau khổ, chúng ta chỉ làm chứng về lòng thương xót của Thiên Chúa cho những ai nghi ngờ Người khi họ cảm nghiệm được lòng thương xót của Người qua chúng ta. [15]

12. Cuối cùng, Công đồng Ni-xê-a vẫn còn giá trị trong thời đại ngày nay vì giá trị đại kết to lớn của nó. Thật vậy, việc đạt được sự hiệp nhất giữa tất cả các Kitô hữu là một trong những mục tiêu chính của Công đồng gần đây nhất, Công đồng Vatican II. [16] Đúng ba mươi năm trước, Thánh Gioan Phaolô II đã tiếp tục thúc đẩy sứ điệp Công đồng này trong Thông điệp *Ut Unum Sint* (25 tháng 5 năm 1995). Bằng cách này, cùng với lễ kỷ niệm trọng đại của Công đồng Ni-xê-a, chúng ta cũng cử hành lễ kỷ niệm Thông điệp đại kết đầu tiên. Nó có thể được coi là một bản tuyên ngôn cập nhật những nền tảng đại kết trong tự đã được Công đồng Ni-xê-a đặt ra.

Nhờ Thiên Chúa, phong trào đại kết đã đạt được nhiều thành tựu trong sáu mươi năm qua. Đúng là sự hiệp nhất hữu hình hoàn toàn với các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo Đông phương, cũng như với các cộng đồng giáo hội được sinh ra từ Phong trào Cải

cách, vẫn chưa đạt được. Tuy nhiên, cuộc đối thoại đại kết, được xây dựng trên nền tảng một phép rửa tội và Kinh Tin Kính Nixêa-Constantinôp, đã dẫn chúng ta đến việc nhìn nhận các thành viên của các Giáo hội và cộng đồng giáo hội khác là anh chị em của chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô, và tái khám phá cộng đồng phổ quát duy nhất của các môn đệ Chúa Kitô trên khắp thế giới. Chúng ta chia sẻ cùng một đức tin vào Thiên Chúa duy nhất, Cha của mọi người; chúng ta cùng tuyên xưng Chúa duy nhất và Con thật của Thiên Chúa, Chúa Giêsu Kitô, và Chúa Thánh Thần duy nhất, Đấng soi sáng và thúc đẩy chúng ta hướng tới sự hiệp nhất trọn vẹn và cùng làm chứng cho Tin Mừng. Quả thật, điều hiệp nhất chúng ta lớn hơn nhiều so với điều chia rẽ chúng ta! [17] Trong một thế giới bị chia rẽ và xâu xé bởi nhiều xung đột, cộng đồng Kitô giáo phổ quát duy nhất có thể là dấu chỉ của hòa bình và là công cụ hòa giải, đóng một vai trò quyết định trong cam kết hoàn cầu cho hòa bình. Thánh Gioan Phaolô II đặc biệt nhắc nhở chúng ta về chứng tá của nhiều vị tử đạo Kitô giáo từ tất cả các Giáo hội và cộng đồng giáo hội: ký ức về họ hiệp nhất chúng ta và thúc đẩy chúng ta trở thành những chứng nhân và người kiến tạo hòa bình trên thế giới. Để thực hiện sứ vụ này một cách đáng tin cậy, chúng ta phải cùng nhau bước đi để đạt được sự hiệp nhất và hòa giải giữa tất cả các Kitô hữu. Kinh Tin Kính Ni-xê-a có thể là nền tảng và điểm tham chiếu cho hành trình này. Nó mang đến cho chúng ta một mô hình về sự hiệp nhất đích thực trong sự đa dạng chính đáng. Hiệp nhất trong Ba Ngôi, Ba Ngôi trong Hiệp Nhất, bởi vì hiệp nhất mà không đa dạng là chuyên chế, đa dạng mà không hiệp nhất là phân mảnh. Động lực Ba Ngôi không phải là một mối quan hệ nhị nguyên và loại trừ “hoặc này/hoặc kia”, mà là một mối liên kết quyết định, “cả hai/và”. Chúa Thánh Thần là mối liên kết hiệp nhất mà chúng ta cùng tôn thờ với Chúa Cha và Chúa Con. Do đó, chúng ta phải gạt bỏ những tranh cãi thần học đã mất đi lý do tồn tại của chúng để phát triển một sự hiểu biết chung và hơn thế nữa, một lời cầu nguyện chung với Chúa Thánh Thần, để Người quy tụ tất cả chúng ta lại với nhau trong một đức tin và một tình yêu. Điều này không ngụ ý một chủ nghĩa đại kết cố gắng quay trở lại trạng thái trước khi có sự chia rẽ, cũng không phải là sự thừa nhận lẫn nhau về hiện trạng đa dạng của các Giáo hội và cộng đồng giáo hội. Đúng hơn, đó là một chủ nghĩa đại kết hướng đến tương lai, tìm kiếm sự hòa giải thông qua đối thoại khi chúng ta chia sẻ những ân huệ và di sản tinh thần của mình. Việc khôi phục sự hiệp nhất giữa các Kitô hữu không làm chúng ta nghèo đi; trái lại, nó làm chúng ta giàu có hơn. Cũng như tại Công đồng Ni-xê-a, mục tiêu này chỉ có thể đạt được thông qua một hành trình kiên nhẫn, dài lâu và đôi khi khó khăn của việc lắng nghe và chấp nhận lẫn nhau. Đó là một thách thức thần học, và hơn thế nữa, là một thách thức tinh thần, đòi hỏi sự ăn năn và hoán cải từ phía tất cả mọi người. Vì lý do này, chúng ta cần chủ nghĩa đại kết tinh thần bằng lời cầu nguyện, ngợi khen và thờ phượng, như được thể hiện trong Kinh Tin Kính của Công đồng Ni-xê-a và Constantinôp.

Vì vậy, chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần đồng hành và dẫn dắt chúng ta trong công trình này.

Lạy Chúa Thánh Thần, Chúa dẫn dắt các tín hữu trên con đường lịch sử.

Chúng con tạ ơn Chúa vì đã soi sáng các Biểu thức Đức tin và khơi dậy trong lòng chúng con niềm vui tuyên xưng ơn cứu độ của chúng con trong Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha. Không có Chúa, chúng con không thể làm gì được.

Lạy Chúa Thánh Thần Hằng Hữu, xin làm tươi mới đức tin của Giáo hội qua mọi thời đại. Hãy giúp chúng con đào sâu nó và luôn luôn trở về với những điều thiết yếu để công bố điều đó.

Để chứng tá của chúng con giữa thế gian không trở nên vô ích, xin hãy đến, lạy Chúa Thánh Thần, với ngọn lửa ân sủng của Chúa, để phục hồi đức tin của chúng con, thấp sáng chúng con với hy vọng, và thổi bùng lên lòng bác ái nơi chúng con.

Xin hãy đến, lạy Đấng An Ủi thần linh, nguồn mạch của sự hòa hợp, xin hãy kết hợp trái tim và tâm trí của các tín hữu. Xin hãy đến và ban cho chúng con được ném trái về đẹp của sự hiệp thông.

Xin hãy đến, tình yêu của Chúa Cha và Chúa Con, quy tụ chúng con vào đàn chiên duy nhất của Chúa Kitô.

Xin chỉ cho chúng con những con đường phải đi, để với sự khôn ngoan của Chúa, chúng con một lần nữa trở nên những gì chúng con là trong Chúa Kitô: nên một, để thế gian tin. Amen.

Từ Vatican, ngày 23 tháng 11 năm 2025, Lễ trọng Chúa Giêsu Kitô, Vua Vũ Trụ

LEO Trang XIV

[1] L.H. Westra, *Kinh Tin Kinh các Tông Đồ. Nguồn gốc, Lịch sử và Một số Chú giải Sơ khai*, Turnhout 2002 (*Instrumenta patristica et mediaevalia*, 43).

[2] Công đồng Ni-xê-a I, *Expositio fidei*: CC COGD 1, Turnhout 2006, 19 6-8.

[3] Thánh A-na-tha-xi ô thành Alexandria, *Contra Arianos*, I, 9, 2 (biên tập bởi Metzler, Anathasius Werke, I/1,2, Berlin - New York 1998, 117-118) Từ những phát biểu của Thánh A-na-tha-xi ô trong *Contra Arianos* I, 9, rõ ràng là *homooúsios* không có nghĩa là “có bản thể tương tự”, mà là “cùng bản thể” với Chúa Cha; do đó, vấn đề không phải là sự tương đồng về bản thể, mà là sự đồng nhất về bản thể giữa Chúa Cha và Chúa Con. Do đó, bản dịch tiếng Latinh của *homooúsios* đã nói đúng về *unius substantiae cum Patre*.

- [4] Thánh A-na-tha-xi ô thành Alexandria, *Contra Arianos*, I, 38, 7 - 39, 1: biên tập. Metzler, *Anathasius Werke*, I/1,2, 148-149.
- [5] Thánh Athanasiô thành Alexandria, X. *De incarnatione Verbi*, 54, 3: SCh 199, Paris 2000, 458; id., *Contra arianos*, tôi, 39; 42; 45; II, 59ss.: ed. Metzler, *Anathasius Werke*, I/1,2, 149; 152, 154-155 và 235ss.
- [6] Xem. Thánh Augustinô, *Tự Thú*, I, 1: CCSL 27, Turnhout 1981, 1.
- [7] Thánh Thomas Aquinas, Trong *Symbolum Apostolorum*, art. 12: biên tập. Spiazzi, , II, Taurini - Romae 1954, 217.
- [8] Thánh Ba-si-lê-ô, *De Spiritu Sancto*, 30.
- [9] Thánh Hi-la-ri-ô, *Contra Arianos, vel Auxentium*, 6. Lưu tâm đến tiếng nói của các Giáo Phụ, nhà thần học uyên bác, sau này là Hồng Y và bây giờ là Thánh Tiến Sĩ Giáo Hội, John Henry Newman (1801-1890), đã nghiên cứu cuộc tranh luận này và đi đến kết luận rằng Kinh Tin Kính Ni-xê-a trên hết đã được bảo tồn bởi cảm thức đức tin của dân Chúa. Xem *On Consulting the Faithful in Matters of Doctrine* [Về việc tư vấn các tín hữu trong các vấn đề tín lý] (1859).
- [10] Công đồng Constantinôp thứ nhất, *Expositio fidei: CC, Conc. Oec. Gen. Decr* 1, 57 20-24. Câu “và phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con (Filioque)” không có trong văn bản Constantinôp; nó được Đức Giáo hoàng Bênêđictô VIII đưa vào Kinh Tin Kính La-tinh năm 1014 và là chủ đề của cuộc đối thoại Chính Thống giáo-Công giáo.
- [11] Công đồng Can-xê-đoan, *Definitio fidei: CC, Conc. Oec. Gen. Decr.* 1, 137 393-138 411.
- [12] Công đồng Chung Vatican II, Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong Thế giới Hiện đại *Gaudium et spes*, 19: AAS 58 (1966), 1039.
- [13] Xem Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5 năm 2015), 67; 78; 124: AAS 107 (2015), 873-874; 878; 897.
- [14] Xem Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 tháng 3 năm 2018), 92: AAS 110 (2018), 1136.
- [15] X. Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 67; 254: AAS 112 (2020), 992-993; 1059.
- [16] X. Công đồng Vatican II, Sắc lệnh về Đại kết *Unitatis Redintegratio*, 1: AAS 57 (1965), 90-91.
- [17] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Ut Unum Sint* (25/5/1995), 20: AAS 87 (1995), 933.